

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-402 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000001	35191025492	Nguyễn Văn An	21/12/1998	LT24.2FT03				
2	000002	35191020242	Trần Hoàng An	18/06/1993	LT24.1AD01				
3	000003	35191020518	Lê Tuấn Anh	11/05/1994	LT24.1AD01				
4	000004	35181025513	Lê Việt Anh	01/04/1995	LT23.2FT001				
5	000005	35191020309	Nguyễn Phương Anh	01/10/1997	LT24.1AD01				
6	000006	35181020601	Nguyễn Thị Thục Anh	26/05/1982	LT23.1KN002				
7	000007	35191020096	Phạm Lê Tuấn Anh	14/10/1993	LT24.1AD01				
8	000008	35191025025	Tạ Hoàng Anh	30/10/1997	LT24.2FT01				
9	000009	35201020567	Trần Ngọc Anh	20/11/1996	LT25.1KN03				
10	000010	35181021369	Võ Huỳnh Xuân Anh	03/02/1995	LT23.1KN003				
11	000011	35181020784	Phạm Thị Ngọc Ái	27/06/1991	LT23.1KN003				
12	000012	35181020484	Hồ Vũ Đình Ân	16/12/1994	LT23.1KN002				
13	000013	35191020413	Võ Tri Ân	09/03/1993	LT24.1AD01				
14	000014	35181025328	Hoàng Văn Ba	29/03/1990	LT23.2FN001				
15	000015	35191020028	Phan Thế Bảo	10/04/1996	LT24.1AD01				
16	000016	35191025281	Trần Ngọc Băng	01/04/1998	LT24.2KN02				
17	000017	35181021175	Phan Văn Bé	10/01/1993	LT23.1AD003				
18	000018	35181021118	Chung Thanh Bình	26/04/1989	LT23.1KN003				
19	000019	35191020396	Nguyễn Thị Bình	22/12/1989	LT24.1KN02				
20	000020	35191025463	Thái Thanh Bình	05/02/1992	LT24.2FT03				
21	000021	35191020153	Nguyễn Thị Ngọc Bích	09/03/1997	LT24.1KN02				
22	000022	35191025055	Nguyễn Thị Ngọc Bích	28/04/1995	LT24.2AD01				
23	000023	35191025032	Quế Văn Cảnh	19/06/1995	LT24.2AD01				
24	000024	35191020020	Huỳnh Thị Thanh Cẩm	01/01/1991	LT24.1AD01				
25	000025	35191022025	Đàng thị Châu	20/10/1997	LT24.2KN01				
26	000026	35191025192	Mai Thị Bích Châu	12/12/1997	LT24.2FT02				
27	000027	35181025504	Ngô Đình Châu	20/08/1990	LT23.2AD001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-402 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000028	35181020650	Nguyễn Thái Bảo	Châu	18/07/1996	LT23.1KN001				
29	000029	35191020444	Lê Thị Kim	Chi	14/08/1990	LT24.1FT01				
30	000030	35191020328	Ngô Thị Linh	Chi	10/07/1997	LT24.1KN02				
31	000031	35181021304	Nguyễn Thị Diễm	Chi	26/12/1993	LT23.1AD002				
32	000032	35181025140	Nguyễn Thị Khánh	Chi	28/11/1994	LT23.2KN002				
33	000033	35181021150	Nguyễn Thị Linh	Chi	18/05/1996	LT23.1KN003				
34	000034	35201020605	Trần Thị Kim	Chi	05/04/1984	LT25.1AD02				
35	000035	35181025482	Lê	Chon	05/03/1993	LT23.2AD001				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-403 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000036	35181020827	Nguyễn Thị Cúc	06/02/1993	LT23.1KN003				
2	000037	35181021245	Hồ Huỳnh Danh	06/05/1996	LT23.1FN001				
3	000038	35181021111	Nguyễn Huy Dâng	12/03/1994	LT23.1AD003				
4	000039	35191025086	Nguyễn Thái Di	08/01/1998	LT24.2FT03				
5	000040	35181025454	Huỳnh Thị Thanh Diễm	26/05/1995	LT23.2AD001				
6	000041	35201020059	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	21/10/1995	LT25.1AD02				
7	000042	35181020673	Lê Thị Mỹ Dung	19/12/1992	LT23.1KN003				
8	000043	35191020166	Nguyễn Thị Mỹ Dung	19/10/1992	LT24.1AD01				
9	000044	35201020282	Nguyễn Thị Thùy Dung	25/07/1996	LT25.1KN01				
10	000045	35201020430	Phạm Thị Dung	01/08/1994	LT25.1AD01				
11	000046	35181020188	Trần Khánh Duy	16/10/1995	LT23.1AD004				
12	000047	35181025494	Đỗ Thị Mỹ Duyên	08/09/1996	LT23.2KN001				
13	000048	35181020814	Lào Thị Thùy Duyên	30/10/1985	LT23.1KN004				
14	000049	35191025163	Nguyễn Thị Kiều Duyên	03/05/1998	LT24.2KN02				
15	000050	35191025380	Nguyễn Tổng Trí Dũng	03/04/1998	LT24.2FT03				
16	000051	35181025015	Vũ Ngọc Dũng	20/05/1991	LT23.2AD001				
17	000052	35191025052	Trần Văn Dự	20/10/1996	LT24.2FT03				
18	000053	35181021062	Phan Nguyên Tiến Đạt	27/09/1994	LT23.1NH001				
19	000054	35181025465	Phan Quốc Đạt	17/02/1997	LT23.2AD001				
20	000055	35191025412	Huỳnh Điệp	01/05/1993	LT24.2FT01				
21	000056	35191020510	Nguyễn Mộng Điệp	08/12/1980	LT24.1KN01				
22	000057	35181021259	Nguyễn Thị Hồng Gấm	29/07/1994	LT23.1AD005				
23	000058	35201020289	Nguyễn Thị Cẩm Giang	04/02/1994	LT25.1KN02				
24	000059	35181020505	Nguyễn Thị Hương Giang	18/06/1996	LT23.1KN004				
25	000060	35181025182	Hà Thị Ngọc Giàu	28/04/1995	LT23.2KN002				
26	000061	35191025023	Hồ Thị Mỹ Giàu	21/03/1997	LT24.2FT01				
27	000062	35181020781	Nguyễn Lê Ngọc Ngân Giàu	15/11/1995	LT23.1KN002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-403 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000063	35191020311	Phan Huy	Giáp	29/03/1995	LT24.1AD01				
29	000064	35181021268	Bùi Minh	Hà	12/03/1996	LT23.1KN002				
30	000065	35191029002	Lê Thị Khánh	Hà	17/02/1995	LT24.2KN01				
31	000066	35191025448	Nguyễn Thị	Hà	11/01/1987	LT24.2KN02				
32	000067	35201020116	Nguyễn Thị Hồng	Hà	29/09/1996	LT25.1FN01				
33	000068	35181020282	Nguyễn Thị Thanh	Hà	14/08/1996	LT23.1FT003				
34	000069	35181025193	Phạm Thị Thu	Hà	16/04/1991	LT23.2KN002				
35	000070	35191020197	Trần Thị Thu	Hà	07/03/1997	LT24.1AD01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-404 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000071	35191020076	Lê Đình Hải	23/07/1993	LT24.1KN01				
2	000072	35201020017	Lý Nguyên Hải	01/01/1999	LT25.1MR01				
3	000073	35191020085	Phạm Thế Hải	02/01/1996	LT24.1AD01				
4	000074	35191025274	Nguyễn Thị Mỹ Hào	19/02/1996	LT24.2AD01				
5	000075	35181020156	Đỗ Thị Bích Hạnh	07/06/1995	LT23.1AD003				
6	000076	35201020049	Đỗ Thị Hằng	15/04/1996	LT25.1AD01				
7	000077	35191025229	Lê Thị Thúy Hằng	06/09/1998	LT24.2AD01				
8	000078	35191025322	Nguyễn Thị Bích Hằng	10/09/1991	LT24.2AD02				
9	000079	35191020250	Võ Thị Hằng	10/01/1993	LT24.1KN02				
10	000080	35191025169	Lâm Bảo Hân	28/12/1998	LT24.2FT03				
11	000081	35191020270	Nguyễn Hồng Ngọc Hân	18/10/1997	LT24.1KN02				
12	000082	35191020005	Lương Thanh Hậu	08/12/1996	LT24.1KN01				
13	000083	35201020392	Nguyễn Thị Hậu	25/09/1997	LT25.1FT01				
14	000084	35201020115	Nguyễn Thị Hiền	16/07/1989	LT25.1KN01				
15	000085	35201020078	Nguyễn Thị Thu Hiền	28/09/1992	LT25.1KN01				
16	000086	35181020906	Phan Thị Hiền	25/01/1996	LT23.1FN001				
17	000087	35181020185	Trần Thị Hiền	15/01/1996	LT23.1AD004				
18	000088	35201020098	Hoàng Thị Hiếu	06/04/1995	LT25.1AD01				
19	000089	35191025409	Lương Anh Hiếu	22/01/1996	LT24.2AD02				
20	000090	35191020267	Ngô Minh Hiếu	01/07/1995	LT24.1KN02				
21	000091	35191025036	Nguyễn Quang Hiếu	14/07/1997	LT24.2FT01				
22	000092	35201020340	Phạm Minh Hiếu	21/08/1992	LT25.1AD01				
23	000093	35191025133	Trần Văn Hiếu	11/04/1987	LT24.2AD02				
24	000094	35191025335	Cao Thị Phương Hoa	22/05/1998	LT24.2KN02				
25	000095	35191020388	Dương Thị Thanh Hoa	11/11/1997	LT24.1KN02				
26	000096	35191022029	Phạm Thị Mai Hoa	22/04/1998	LT24.2FT01				
27	000097	35191020329	Vũ Thị Thu Hoài	14/04/1997	LT24.1KN02				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-404 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000098	35191020233	Tiêu Khải	Hoàn	13/01/1997	LT24.1AD01				
29	000099	35181021329	Trần Hiền Nhật	Hoàng	16/09/1995	LT23.1FT005				
30	000100	35191020457	Vũ Ngọc	Hoàng	02/05/1993	LT24.1AD01				
31	000101	35201020435	Lê Văn	Hò	19/03/1983	LT25.1FT02				
32	000102	35191020462	Võ Thị Kim	Hồng	09/02/1997	LT24.1AD01				
33	000103	35181021056	Lê Thị Kim	Huệ	30/03/1993	LT23.1FN002				
34	000104	35191020350	Trần Thị Mỹ	Huệ	14/10/1995	LT24.1AD01				
35	000105	35191020277	Huỳnh Thanh	Huy	00/ /1990	LT24.1KN03				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-405 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000106	35181020559	Nguyễn Phú Quang Huy	11/09/1996	LT23.1KN002				
2	000107	35181020662	Nguyễn Trần Đắc Huy	14/02/1995	LT23.1KN004				
3	000108	35181025106	Nguyễn Việt Huy	13/07/1990	LT23.2FT001				
4	000109	35191025439	Đỗ Thị Minh Huyền	08/01/1998	LT24.2KN02				
5	000110	35191020523	Lê Thị Thu Huyền	18/09/1998	LT24.1KN01				
6	000111	35191020221	Nguyễn Thị Thanh Huyền	11/03/1994	LT24.1AD01				
7	000112	35191025341	Trần Thị Phương Huỳnh	25/06/1992	LT24.2FN01				
8	000113	35181025027	Nguyễn Minh Hùng	30/04/1996	LT23.2AD001				
9	000114	35181025600	Phan Trần Ngọc Hùng	15/05/1996	LT23.2FT001				
10	000115	35181020152	Dương Tấn Hưng	05/05/1995	LT23.1AD005				
11	000116	35181020546	Trương Lan Hương	06/04/1994	LT23.1KN003				
12	000117	35181020137	Nguyễn Ngọc Phương Khanh	25/01/1995	LT23.1KN001				
13	000118	35181025298	Huỳnh Đức Khải	19/03/1992	LT23.2FN001				
14	000119	35201020403	Nguyễn Khánh	21/10/1998	LT25.1FT01				
15	000120	35191025094	Trần Thị Ngọc Khánh	08/04/1998	LT24.2AD01				
16	000121	35191025226	Vũ Nguyễn Thụy Khuê	06/04/1993	LT24.2AD01				
17	000122	35191025455	Huỳnh Thị Ngọc Khuyến	02/03/1997	LT24.2AD01				
18	000123	35191020227	Trần Xuân Nhật Khương	11/12/1996	LT24.1FT01				
19	000124	35191025379	Lê Gia Kiên	25/11/1998	LT24.2FT01				
20	000125	35181021076	Lê Thị Thúy Kiều	01/06/1993	LT23.1NH001				
21	000126	35201020100	Nguyễn Thị Kim Kiều	14/01/1992	LT25.1AD01				
22	000127	35191025002	Trịnh Thị Kiều	10/11/1988	LT24.1KN02				
23	000128	35201020238	Nguyễn Lê Bảo Kim	13/07/1995	LT25.1MR01				
24	000129	35191020023	Nguyễn Thị Nguyên Lam	30/05/1994	LT24.1AD01				
25	000130	35181021157	Trần Thị Lam	15/04/1992	LT23.1AD005				
26	000131	35201020257	Huỳnh Thị Lan	03/04/1996	LT25.1KN02				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-407 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000132	35201020579	Nguyễn Thị Hoàng Lan	27/04/1992	LT25.1FT01				
2	000133	35181025483	Nguyễn Thị Thanh Lan	24/02/1993	LT23.2KN001				
3	000134	35201020208	Võ Thanh Lan	07/08/1997	LT25.1KN02				
4	000135	35191020187	Nguyễn Thị Thu Lan	07/08/1996	LT24.1KN01				
5	000136	35181025053	Đặng Hoàng Lâm	01/01/1996	LT23.2AD001				
6	000137	35181020729	Lê Duy Lâm	18/06/1994	LT23.1KN003				
7	000138	35181025568	Nguyễn Bá Lâm	21/11/1996	LT23.2FT001				
8	000139	35191020160	Tổng Thị Tuyết Lâm	16/08/1996	LT24.1AD01				
9	000140	35191020164	Nguyễn Thị Diệu Lê	25/07/1993	LT24.1FT01				
10	000141	35181025118	Lê Thị Mỹ Liên	19/09/1990	LT23.2AD001				
11	000142	35181025250	Trần Thị Hương Liên	18/11/1990	LT23.2FN001				
12	000143	35201020576	Đặng Mỹ Linh	13/10/1998	LT25.1MR01				
13	000144	35191025252	Đình Thị Hoài Linh	03/05/1998	LT24.2KN02				
14	000145	35201020194	Lâm Ngọc Linh	11/02/1996	LT25.1AD01				
15	000146	35191025173	Nguyễn Thị Linh	17/12/1998	LT24.2FT03				
16	000147	35191020174	Nguyễn Thị Thùy Linh	19/07/1991	LT24.1KN03				
17	000148	35181020493	Phan Thị Mỹ Linh	18/07/1995	LT23.1KN001				
18	000149	35181025201	Trần Thị Ngọc Linh	20/03/1994	LT23.2KN001				
19	000150	35201020305	Võ Thị Trúc Linh	16/10/1995	LT25.1KN01				
20	000151	35191020302	Nguyễn Thị Loan	18/08/1998	LT24.1AD01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-408 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000152	35191020387	Nguyễn Thị Phương Loan	12/08/1996	LT24.1FT01				
2	000153	35191025197	Phạm Phi Long	04/07/1997	LT24.2AD02				
3	000154	35191020385	Trần Kim Luyến	08/10/1988	LT24.1KN01				
4	000155	35181025314	Nguyễn Thị Lựu	26/12/1994	LT23.2FN001				
5	000156	35191025278	Lê Nguyễn Khánh Ly	25/02/1996	LT24.2FN01				
6	000157	35191020488	Nguyễn Thị Mai Ly	14/05/1995	LT24.1KN02				
7	000158	35191020501	Thân Thị Mỹ Ly	04/10/1997	LT24.1KN03				
8	000159	35181025370	Trần Châu Thiên Lý	21/01/1997	LT23.2FN001				
9	000160	35191020179	Bùi Thị Tuyết Mai	06/12/1997	LT24.1AD01				
10	000161	35181025133	Đặng Thị Trúc Mai	02/02/1993	LT23.2KN002				
11	000162	35181020651	Nguyễn Thị Thúy Mai	10/02/1993	LT23.1KN001				
12	000163	35181020742	Nguyễn Thị Tuyết Mai	29/06/1993	LT23.1KN002				
13	000164	35191025296	Nguyễn Thị Tuyết Mai	13/09/1991	LT24.2KN02				
14	000165	35191025471	Nguyễn Thị Kim Mến	20/06/1998	LT24.2FT01				
15	000166	35181020280	Lê Văn Minh	14/12/1988	LT23.1FT002				
16	000167	35191020281	Nguyễn Thị Ngọc Minh	09/05/1992	LT24.1KN03				
17	000168	35191020452	Hoàng Thị My	15/02/1992	LT24.1KN02				
18	000169	35191025056	Lê Thị Trà My	13/04/1996	LT24.2KN02				
19	000170	35191025217	Nguyễn Thanh Trà My	07/10/1998	LT24.2AD01				
20	000171	35191020274	Phạm Thị Quỳnh My	03/02/1996	LT24.1AD01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-409 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000172	35181021362	Trần Phương Nam	16/02/1992	LT23.1AD003				
2	000173	35181020709	Nguyễn Thị Nga	24/11/1991	LT23.1KN002				
3	000174	35181025144	Nguyễn Thị Thanh Nga	20/06/1992	LT23.2KN002				
4	000175	35191020200	Trần Thị Quý Nga	21/03/1992	LT24.1KN01				
5	000176	35191025334	Võ Thị Thanh Nga	25/07/1996	LT24.2KN02				
6	000177	35181025075	Võ Thị Thu Nga	21/11/1993	LT23.2KN001				
7	000178	35181020555	Vũ Thị Quỳnh Nga	06/10/1994	LT23.1KN002				
8	000179	35181025084	Bùi Thị Kim Ngân	10/10/1997	LT23.2AD001				
9	000180	35191025331	Đoàn Thanh Ngân	18/10/1998	LT24.2KN02				
10	000181	35191025159	Nguyễn Thị Thảo Ngân	22/11/1998	LT24.2FT03				
11	000182	35191020154	Phạm Hoàng Kim Ngân	25/07/1997	LT24.1KN02				
12	000183	35201020497	Phạm Kim Ngân	02/10/1997	LT25.1MR01				
13	000184	35191025142	Trần Thị Thanh Ngân	10/11/1996	LT24.2FT02				
14	000185	35181025578	Dương Hồng Nghi	26/05/1993	LT23.2AD001				
15	000186	35181020456	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	23/04/1996	LT23.1FT007				
16	000187	35191020019	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	17/01/1996	LT24.1AD01				
17	000188	35181021003	Nguyễn Thị Kim Ngọc	20/03/1995	LT23.2FN001				
18	000189	35191025449	Phạm Thị Mộng Ngọc	00/ /1993	LT24.2AD02				
19	000190	35181021228	Hồ Thị Nguyên	03/01/1995	LT23.1KN004				
20	000191	35191025397	Trần Thế Nguyên	30/05/1997	LT24.2AD01				
21	000192	35191020464	Lê Thị Minh Nguyệt	29/10/1985	LT24.1AD01				
22	000193	35181025186	Tổng Thị Nguyệt	21/09/1992	LT23.2KN002				
23	000194	35191025062	Trần Võ Thị Thanh Nhã	26/09/1997	LT24.2AD01				
24	000195	35191020042	Đặng Trần Thảo Nhân	18/04/1997	LT24.1FT01				
25	000196	35191020404	Trần Thị Mai Nhân	26/02/1992	LT24.1AD01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-502 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000197	35191020256	Đoàn Thị Thúy Nhi	14/01/1997	LT24.1AD01				
2	000198	35181025076	Lý Phu Nhi	18/05/1993	LT23.2AD001				
3	000199	35191020161	Nguyễn Ngọc Ánh Nhi	25/05/1996	LT24.1AD01				
4	000200	35191025141	Nguyễn Thị Hoài Nhi	23/02/1993	LT24.2KN01				
5	000201	35191020011	Phan Yến Nhi	27/11/1996	LT24.1KN01				
6	000202	35191025204	Trần Phương Nhi	06/12/1995	LT24.2FT02				
7	000203	35191025470	Văn Tú Nhi	05/10/1994	LT24.2FT03				
8	000204	35191020007	Võ Thị Nhi	17/07/1994	LT24.1AD01				
9	000205	35201020349	Võ Thị Yến Nhi	01/01/1999	LT25.1AD02				
10	000206	35181020917	Lý Hồng Nhung	20/05/1994	LT23.1NH001				
11	000207	35181020439	Nguyễn Thị Hồng Nhung	26/01/1996	LT23.1FT002				
12	000208	35191020094	Nguyễn Thị Hồng Nhung	07/02/1997	LT24.1AD01				
13	000209	35201020507	Nguyễn Thị Thúy Nhung	09/09/1997	LT25.1MR01				
14	000210	35191025017	Trần Thị Tuyết Nhung	04/01/1997	LT24.2FT01				
15	000211	35181020166	Võ Thị Hồng Nhung	29/06/1993	LT23.1AD003				
16	000212	35191025093	Đặng Lê Hải Như	09/01/1998	LT24.2AD02				
17	000213	35181025565	Lê Việt Như	10/10/1997	LT23.2FT001				
18	000214	35191025117	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	10/08/1998	LT24.2FT02				
19	000215	35191025306	Võ Thị Huỳnh Như	02/01/1998	LT24.2FT01				
20	000216	35201020183	Nguyễn Phúc Ninh	10/07/1998	LT25.1FT01				
21	000217	35181021115	Vũ Thị Nôn	09/10/1987	LT23.1FT006				
22	000218	35191022041	Đinh Thị Khải Nương	04/08/1998	LT24.2AD01				
23	000219	35201020055	Nguyễn Thị Nương	16/07/1998	LT25.1FT01				
24	000220	35191025097	Huỳnh Thị Kiều Oanh	05/03/1996	LT24.2AD01				
25	000221	35191020093	Nguyễn Thị Oanh	04/06/1997	LT24.1AD01				
26	000222	35191020266	Phạm Thị Ngọc Oanh	09/10/1997	LT24.1KN01				
27	000223	35191025064	Hồ Đình Minh Phát	29/01/1998	LT24.2FT03				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-502 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000224	35181025138	Lê Thị Ái Phi	12/09/1993	LT23.2KN001				
29	000225	35191025230	Nguyễn Vinh Phú	08/08/1998	LT24.2AD01				
30	000226	35181020550	Đặng Quang Phúc	02/10/1993	LT23.1KN004				
31	000227	35191025483	Mai Thanh Phúc	02/03/1992	LT24.2AD02				
32	000228	35181025239	Hoàng Trần Diễm Phụng	05/02/1994	LT23.2FN001				
33	000229	35191020120	Hoàng Trọng Phụng	23/03/1989	LT24.1FT01				
34	000230	35201020247	Nguyễn Thị Kim Phụng	12/07/1998	LT25.1MR01				
35	000231	35191020124	Phạm Thị Kim Phụng	23/11/1993	LT24.1KN01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-503 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000232	35201025296	Bùi Thị Phương	05/01/1989	LT25.2AD02				
2	000233	35181025161	Lê Hồng Phương	17/12/1988	LT23.2KN002				
3	000234	35201020153	Nguyễn Diễm Phương	26/01/1998	LT25.1FT01				
4	000235	35191020255	Nguyễn Hoàng Minh Phương	11/08/1997	LT24.1AD01				
5	000236	35191020373	Nguyễn Lam Phương	14/04/1995	LT24.1AD01				
6	000237	35191020238	Nguyễn Thị Phương	16/12/1996	LT24.1KN02				
7	000238	35191020059	Nguyễn Thị Hà Phương	02/12/1991	LT24.1AD01				
8	000239	35191020527	Phạm Thị Tuyết Phương	13/10/1994	LT24.1FT01				
9	000240	35191025315	Trần Thị Mỹ Phương	26/09/1991	LT24.2KN01				
10	000241	35201020362	Nguyễn Thị Thịnh Phước	20/05/1998	LT25.1KN02				
11	000242	35191025352	Phạm Thanh Duy Phước	25/11/1997	LT24.2FT03				
12	000243	35181020442	Lưu Thị Hồng Phượng	04/12/1994	LT23.1FN001				
13	000244	35191020230	Mai Ngọc Phượng	13/06/1990	LT24.1KN03				
14	000245	35181025102	Nguyễn Đặng Ánh Phượng	16/02/1996	LT23.2FT001				
15	000246	35191020412	Trần Kim Quân	10/08/1995	LT24.1FT01				
16	000247	35181020037	Bùi Thị Quế	19/10/1995	LT23.1AD002				
17	000248	35181020975	Nguyễn Trung Quyền	29/03/1986	LT23.1AD004				
18	000249	35181021010	Lê Anh Quyết	01/04/1993	LT23.1NH001				
19	000250	35191025336	Bùi Thị Như Quỳnh	22/06/1992	LT24.2FT02				
20	000251	35201020228	Bùi Thị Như Quỳnh	29/03/1998	LT25.1MR01				
21	000252	35201020037	Đỗ Thị Trúc Quỳnh	06/09/1998	LT25.1AD01				
22	000253	35181025292	Lê Thị Như Quỳnh	18/09/1990	LT23.2FN001				
23	000254	35191025115	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	31/03/1998	LT24.2FT03				
24	000255	35191020319	Phạm Phú Quý	30/08/1996	LT24.1FT01				
25	000256	35191025292	Trương Thanh Sang	20/01/1996	LT24.2AD02				
26	000257	35191025140	Đỗ Thị Sen	15/06/1993	LT24.2KN01				
27	000258	35191020520	Nguyễn Thị Kim Soa	29/09/1985	LT24.1KN02				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-503 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000259	35191025095	Nguyễn Thị Song	02/06/1996	LT24.2FT03				
29	000260	35191025410	Lê Xuân Star	18/04/1996	LT24.2AD02				
30	000261	35201020062	Huỳnh Thị Sương	16/01/1995	LT25.1KN01				
31	000262	35201020413	Phan Thị Thanh Sương	04/07/1991	LT25.1KN01				
32	000263	35201020520	Võ Thị Thanh Sứ	16/06/1994	LT25.1KN02				
33	000264	35181021091	Bùi Hữu Tài	14/08/1996	LT23.1FT002				
34	000265	35191020516	Nguyễn Đăng Tài	19/08/1997	LT24.1AD01				
35	000266	35181021330	Ngô Thị Thanh Tâm	30/11/1987	LT23.1KN003				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-504 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000267	35181025414	Thái Soái Tâm	27/10/1992	LT23.2FN001				
2	000268	35181020174	Hà Văn Tân	19/01/1993	LT23.1AD005				
3	000269	35181025308	Nguyễn Ngọc Thanh	01/01/1992	LT23.2FT001				
4	000270	35191020292	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	00/ /1995	LT24.1KN01				
5	000271	35181021364	Nguyễn Văn Thanh	10/09/1992	LT23.1FT005				
6	000272	35181020822	Văn Thị Thanh	02/05/1985	LT23.1KN003				
7	000273	35181025078	Huỳnh Tấn Thành	11/01/1996	LT23.2FT001				
8	000274	35191020152	Nguyễn Liên Thành	14/02/1997	LT24.1KN02				
9	000275	35191020291	Đoàn Thị Thanh Thảo	01/01/1995	LT24.1KN01				
10	000276	35191025462	Đỗ Hoàng Phương Thảo	18/03/1991	LT24.2AD01				
11	000277	35181021082	Lã Phương Thảo	09/02/1992	LT23.1KN004				
12	000278	35191020407	Lê Thị Dạ Thảo	28/03/1993	LT24.1AD01				
13	000279	35191020276	Lê Thị Thanh Thảo	02/08/1997	LT24.1AD01				
14	000280	35191025006	Lê Thị Thu Thảo	05/09/1996	LT24.2FT01				
15	000281	35191025259	Phạm Nguyễn Mai Thảo	26/11/1998	LT24.2FT02				
16	000282	35181020095	Trần Thị Bích Thảo	15/08/1992	LT23.1AD005				
17	000283	35191025043	Nguyễn Thị Thái	24/08/1993	LT24.2FN02				
18	000284	35201020181	Đình Thị Xuân Thắm	21/06/1997	LT25.1KN02				
19	000285	35191020213	Trần Chiến Thắng	02/09/1997	LT24.1FT01				
20	000286	35191025279	Đình Vũ Linh Thi	06/09/1996	LT24.2FN01				
21	000287	35191022039	Nguyễn Nhật Ái Thi	01/05/1998	LT24.2AD01				
22	000288	35181020611	Nguyễn Thị Ngọc Thi	30/04/1993	LT23.1KN003				
23	000289	35191025082	Trần Thị Bích Thi	18/08/1996	LT24.2FT01				
24	000290	35191022009	Lê Nguyễn Ngọc Thịnh	31/08/1998	LT24.2FT01				
25	000291	35181025008	Nguyễn Thị Kim Thoa	02/02/1995	LT23.2AD001				
26	000292	35181025288	Nguyễn Thị Cẩm Thơ	27/09/1994	LT23.2AD001				
27	000293	35181020999	Nguyễn Sĩ Thống	02/04/1994	LT23.1NH001				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-504 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000294	35181020824	Đoàn Thị Thu Thom	20/10/1993	LT23.1KN004				
29	000295	35201020112	Hồ Gia Thuận	18/09/1999	LT25.1FT01				
30	000296	35191020264	Huỳnh Thị Mỹ Thuận	07/11/1994	LT24.1KN01				
31	000297	35201020405	Mai Danh Thuận	19/08/1987	LT25.1AD01				
32	000298	35201020434	Mai Thị Thuận	12/03/1993	LT25.1AD01				
33	000299	35191025361	Nguyễn Thị Thuận	03/09/1998	LT24.2FT03				
34	000300	35191020534	Phạm Đức Thuận	15/05/1991	LT24.1KN03				
35	000301	35191020056	Vương Hiệp Thuận	20/02/1997	LT24.1FT01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-505 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000302	35191020283	Đình Thị Thuyền	15/11/1996	LT24.1KN02				
2	000303	35181025068	Lê Thị Mộng Thùy	03/02/1996	LT23.2AD001				
3	000304	35181025103	Nguyễn Thị Thanh Thùy	16/09/1995	LT23.2FT001				
4	000305	35201020014	Tổng Đan Thùy	02/02/1993	LT25.1KN01				
5	000306	35181021133	Lã Thị Bích Thùy	11/04/1985	LT23.1KN001				
6	000307	35191025260	Lê Thị Thu Thủy	03/02/1996	LT24.2FT03				
7	000308	35191025073	Nguyễn Thanh Thủy	21/04/1992	LT24.2FT02				
8	000309	35181025160	Nguyễn Thị Thu Thủy	03/02/1993	LT23.2KN001				
9	000310	35191025474	Nguyễn Thị Thu Thủy	02/10/1978	LT24.2KN03				
10	000311	35191020130	Trương Thị Thủy	30/03/1990	LT24.1AD01				
11	000312	35181020721	Trương Thị Thanh Thủy	30/09/1996	LT23.1KN002				
12	000313	35191020467	Võ Thị Hồng Thủy	00/ /1986	LT24.1AD01				
13	000314	35201020287	Nguyễn Thị Thúy	27/02/1997	LT25.1MR01				
14	000315	35201020090	Nguyễn Thị Minh Thúy	25/02/1998	LT25.1MR01				
15	000316	35181020600	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	10/03/1992	LT23.1KN003				
16	000317	35201020191	Nguyễn Thị Thu Thúy	03/12/1992	LT25.1KN02				
17	000318	35181025164	Trần Thị Phương Thúy	18/03/1996	LT23.2AD001				
18	000319	35191020128	Vũ Thị Thu Thúy	13/01/1997	LT24.1AD01				
19	000320	35191020365	Lê Minh Thư	03/11/1996	LT24.1KN02				
20	000321	35191025219	Nguyễn Minh Anh Thư	04/03/1995	LT24.2FT02				
21	000322	35191020194	Nguyễn Thị Minh Thư	15/09/1996	LT24.1FT01				
22	000323	35191020367	Phạm Thị Thanh Thư	27/11/1997	LT24.1KN01				
23	000324	35191020494	Văn Thị Anh Thư	23/07/1994	LT24.1AD01				
24	000325	35191025382	Võ Ngọc Anh Thư	21/04/1991	LT24.2FT03				
25	000326	35191020181	Trần Thị Thương	27/10/1989	LT24.1KN02				
26	000327	35191022003	Diệp Bảo Thy	20/04/1998	LT24.2AD01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-507 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000328	35181021051	Lê Thị Thy Thy	12/01/1994	LT23.1FT006				
2	000329	35191025241	Nguyễn Phương Thy	24/01/1995	LT24.2AD01				
3	000330	35181020845	Nguyễn Thụy Diễm Thy	19/02/1990	LT23.1KN001				
4	000331	35181021337	Đỗ Phan Nhật Tiên	07/07/1996	LT23.1AD004				
5	000332	35191025482	Ngô Hà Thùy Tiên	15/02/1994	LT24.2FN02				
6	000333	35161020218	Nguyễn Duy Tiên	02/09/1993	LT24.1AD01				
7	000334	35191020498	Nguyễn Ngọc Thùy Tiên	11/10/1997	LT24.1AD01				
8	000335	35181020679	Nguyễn Thị Thùy Tiên	06/10/1996	LT23.1KN004				
9	000336	35191020224	Nguyễn Thị Thùy Tiên	18/09/1996	LT24.1AD01				
10	000337	35191025421	Huỳnh Xuân Tiên	07/10/1998	LT24.2AD02				
11	000338	35191020140	Trương Quang Tiên	06/05/1996	LT24.1AD01				
12	000339	35191020389	Nguyễn Thị Tình	20/02/1995	LT24.1KN01				
13	000340	35181025234	Nguyễn Bảo Toàn	26/06/1988	LT23.2KN002				
14	000341	35181020482	Bùi Thị Thu Trang	26/09/1986	LT23.1KN003				
15	000342	35181025515	Cao Thị Trang	15/03/1994	LT23.2KN001				
16	000343	35191020202	Dương Lưu Thùy Trang	03/06/1993	LT24.1AD01				
17	000344	35181025095	Đặng Thị Trang	15/06/1996	LT23.2FT001				
18	000345	35181025558	Ngô Thị Kim Trang	05/01/1997	LT23.2AD001				
19	000346	35181020486	Nguyễn Thị Trang	05/08/1990	LT23.1KN002				
20	000347	35191020521	Nguyễn Thị Trang	06/05/1995	LT24.1AD01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-508 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000348	35191025405	Nguyễn Thị Trang	24/06/1987	LT24.2AD02				
2	000349	35181025449	Nguyễn Thị Huỳnh	26/12/1994	LT24.2FT03				
3	000350	35191020131	Nguyễn Thị Kiều	07/11/1991	LT24.1AD01				
4	000351	35191025112	Nguyễn Thị Mỹ	19/09/1994	LT24.2FT02				
5	000352	35181020830	Nguyễn Thị Thanh	05/10/1991	LT23.1KN002				
6	000353	35181020941	Nguyễn Thị Thùy	14/10/1995	LT23.1KN001				
7	000354	35191022042	Phạm Nguyễn Huyền	20/09/1991	LT24.2AD02				
8	000355	35191025030	Phạm Thị Thu	14/07/1990	LT24.2KN01				
9	000356	35181021263	Phạm Thị Thùy	05/03/1983	LT23.1KN001				
10	000357	35191020308	Tô Thị Thu	17/03/1997	LT24.1FT01				
11	000358	35191020014	Trần Thị Mai	02/08/1995	LT24.1KN01				
12	000359	35191020430	Trần Thị Thùy	20/04/1996	LT24.1FT01				
13	000360	35181020935	Cao Lê Quỳnh	29/05/1996	LT23.1FT006				
14	000361	35201020039	Cao Thị Bích	08/06/1997	LT25.1AD01				
15	000362	35191022008	Hoàng Bảo	06/07/1995	LT24.2FT01				
16	000363	35191025181	Lê Thị Thùy	07/02/1998	LT24.2FT01				
17	000364	35191025196	Trần Hoàng Mai	04/11/1998	LT24.2FT03				
18	000365	35191020345	Huỳnh Thị Huế	21/07/1993	LT24.1FT01				
19	000366	35191025330	Huỳnh Trần Bảo	24/09/1998	LT24.2KN03				
20	000367	35191025183	Lê Cao Bảo	12/10/1998	LT24.2FT03				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-509 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000368	35191020514	Lê Ngọc Bảo Trân	12/07/1989	LT24.1FT01				
2	000369	35191025069	Phạm Huyền Trân	12/10/1995	LT24.2KN03				
3	000370	35181025278	Trần Ngọc Triều	26/05/1993	LT23.2FN001				
4	000371	35191025297	Diệp Thị Tú Trình	01/07/1998	LT24.2FT01				
5	000372	35191022024	Dương Thị Tú Trình	15/05/1998	LT24.2KN01				
6	000373	35191025195	Mã Tú Trình	17/09/1999	LT24.2FT03				
7	000374	35191025059	Lê Xuân Trình	23/02/1998	LT24.2FT03				
8	000375	35181020885	Trần Bình Trọng	02/09/1987	LT23.1NH001				
9	000376	35191025342	Lâm Hoàng Trung	21/05/1998	LT24.2FT03				
10	000377	35181021177	Trần Quang Trung	10/01/1994	LT23.1NH001				
11	000378	35191020257	Võ Ngọc Thanh Trúc	26/05/1997	LT24.1AD01				
12	000379	35181020887	Nguy Ngọc Trường	18/02/1992	LT23.1NH001				
13	000380	35191020323	Hồ Thanh Tuấn	22/01/1987	LT24.1AD01				
14	000381	35191025450	Nguyễn Hoàng Tuấn	18/04/1993	LT24.2AD02				
15	000382	35181025533	Huỳnh Ngọc Kim Tuyền	22/11/1995	LT23.2AD001				
16	000383	35191020146	Lê Thị Thanh Tuyền	03/01/1992	LT24.1KN01				
17	000384	35181025249	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	11/09/1997	LT23.2FN001				
18	000385	35191020149	Phạm Ngọc Tuyền	18/12/1996	LT24.1AD01				
19	000386	35181020040	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	11/08/1994	LT23.1AD005				
20	000387	35191020217	Nguyễn Thị Xuân Tuyết	25/10/1996	LT24.1KN01				
21	000388	35191025308	Võ Thị Ngọc Tuyết	17/10/1995	LT24.2KN03				
22	000389	35181025517	Cao Thị Tùng	23/11/1991	LT23.2KN001				
23	000390	35191020489	Vưu Quang Tùng	26/03/1992	LT24.1KN02				
24	000391	35191020428	Quản Thị Tú	10/03/1997	LT24.1FT01				
25	000392	35181020847	Lê Huỳnh Thảo Uyên	26/07/1996	LT23.1KN002				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-701 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	000393	35191020211	Lê Thị Phương Uyên	17/09/1987	LT24.1KN01				
2	000394	35191020148	Nguyễn Ngọc Uyên	12/11/1997	LT24.1FT01				
3	000395	35181020622	Trần Tấn Văn	15/06/1996	LT23.1KN003				
4	000396	35191025384	Đặng Thị Thu Vân	08/12/1993	LT24.2AD02				
5	000397	35191025454	Huỳnh Ái Vân	02/03/1997	LT24.2AD02				
6	000398	35181021126	Lê Thị Tường Vân	01/09/1994	LT23.1FN002				
7	000399	35191022052	Trần Thị Vân	24/08/1998	LT24.2FT01				
8	000400	35191025236	Trần Thị Lan Vân	16/07/1998	LT24.2FT02				
9	000401	35181020762	Trần Thị Vẹn	19/04/1996	LT23.1NH001				
10	000402	35181025316	Nguyễn Thị Tường Vi	05/03/1997	LT23.2KN002				
11	000403	35181021227	Phạm Thị Tường Vi	19/08/1993	LT23.1KN002				
12	000404	35181025512	Phạm Thị Như Viên	08/02/1994	LT23.2KN001				
13	000405	35181020502	Nguyễn Thị Vinh	04/06/1994	LT23.1KN001				
14	000406	35191020178	Bạch Xuân Vui	24/11/1997	LT24.1FT01				
15	000407	35191025276	Nguyễn Quốc Vũ	15/08/1999	LT24.2FT02				
16	000408	35201021502	Nguyễn Huỳnh Thúy Vy	20/05/1998	LT25.1FT03				
17	000409	35201020041	Nguyễn Lâm Thảo Vy	17/04/1998	LT25.1MR01				
18	000410	35191025216	Nguyễn Thúy Vy	03/01/1998	LT24.2AD01				
19	000411	35191025180	Phạm Vũ Phương Vy	24/03/1999	LT24.2AD01				
20	000412	35191022001	Vũ Thị Tú Vy	23/03/1993	LT24.2KN03				
21	000413	35191020537	Huỳnh Thị Thanh Xuân	01/06/1994	LT24.1AD01				
22	000414	35191020167	Nguyễn Thị Phương Xuân	17/09/1996	LT24.1KN01				
23	000415	35191020375	Nguyễn Thị Hà Xuyên	30/07/1994	LT24.1AD01				
24	000416	35181025034	Nguyễn Thị Kim Yên	16/01/1997	LT23.2AD001				
25	000417	35191020165	Huỳnh Thị Hoàng Yên	30/01/1997	LT24.1KN01				
26	000418	35191025215	Huỳnh Thị Kim Yên	19/08/1997	LT24.2FT01				
27	000419	35201020301	Nguyễn Hoàng Yên	20/02/1992	LT25.1KN01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA
LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra - LT

Ngày thi: 18/04/2021 - **Phòng Thi:** B1-701 - **Giờ thi:** 07g00

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
28	000420	35191025235	Trần Thị Hồng Yên	02/09/1997	LT24.2FT01				
29	000421	35191025270	Trần Thị Ngọc Yên	10/06/1998	LT24.2FT01				
30	000422	35191025105	Nguyễn Thị Như Ý	15/08/1997	LT24.2FT01				
31	000423	35191022046	Phạm Thị Như Ý	27/11/1998	LT24.2AD02				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT 1: _____

Họ tên chữ ký CBCT 2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh